ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 592 /QĐ-UBND	*Chợ Mới, ngày 19 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án Chợ và Khu dân cư Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/202020/QH14 có hiệu lực ngày ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ văn bản hợp nhất Luật xây dựng số 10/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ văn bản hợp nhất Luật Quy hoạch đô thị số 11/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ xác thực Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Xây dựng về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.;

Căn cứ Thông tư 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/20011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01:2019/BXD về Quy hoạch xây dựng ban hành theo Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định 56/2020/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh An Giang ban hành quy định về cao độ thiết kế các công trình xây dựng trong địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 252/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang chấp thuận chủ trương cho Công ty cổ phần Địa ốc Long Giang đầu tư dự án Chợ và Khu dân cư Mỹ An, xã Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

Căn cứ Công văn số 143/SXD-QH ngày 15/01/2021 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang về việc ý kiến tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Chợ và Khu dân cư Mỹ An, xã Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

Căn cứ Tờ trình số 54/TTr-LG/2021 ngày 05/4/2021 của Công ty cổ phần Địa ốc Long Giang về việc thẩm định, phê duyệt tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500, công trình: Chợ và Khu dân cư Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế - Hạ tầng tại Tờ trình số 142/TTr-KTHT ngày 12/4/2021 của Phòng Kinh tế - Hạ tầng về việc thẩm định, phê duyệt tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500, công trình: Chợ và Khu dân cư Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án Chợ và Khu dân cư Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án Chợ và Khu dân cư Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

2. Pham vi ranh giới:

Vị trí khu đất quy hoạch có tư cận như sau:

- Phía Đông Bắc tiếp giáp với đất vườn dân cư hiện hữu, đường giao thông do UBND xã Mỹ An Quản lý và Trường Mẫu Giáo Mỹ An;

- Phía Đông Nam tiếp giáp với tỉnh lộ 944;

- Phía Tây Bắc tiếp giáp với đất vườn dân cư hiện hữu;

- Phía Tây Nam tiếp giáp với đất vườn dân cư hiện hữu.

3. Tính chất:

- Hình thành khu dân cư phát triển đồng bộ về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan hài hòa với cảnh quan thiên nhiên. Tạo không gian kiến trúc hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững, phù hợp với quy hoạch tổng thể của xã và định hướng phát triển kinh tế - xã hội huyện Chợ Mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Góp phần hoàn thành các tiêu chí theo đề án xây dựng nông thôn mới xã Mỹ An giai đoạn 2021-2025.

- Tạo sản phẩm đất ở, nhà ở chất lượng cao góp vào quỹ nhà đất địa phương đáp ứng nhu cầu ổn định chỗ ở của nhiều đối tượng với các mức thu nhập khác nhau tại khu vực.

- Làm cơ sở giao đất, quản lý xây dựng và cấp giấy phép xây dựng.

4. Quy mô đất đai: Tổng diện tích đất: 46.900 m^2.

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

Stt	Tên loại đất	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
1	**Đất ở**	**25.580**	**54,54**
	- Đất nhà phố liền kề (231 nền)	*23.597*	
	- Đất biệt thự (6 nền)	*1.982*	
2	**Đất thương mại dịch vụ**	**3.028**	**6,46**
3	**Đất công viên - cây xanh**	**2.356**	**5,02**
	- Đất công viên cây xanh	*1.887*	
	- Đất cây xanh cách ly	*469*	
4	**Đất khu xử lý nước thải**	**291**	**0,62**
5	**Đất giao thông, taluy**	**15.646**	**33,36**
TỔNG		**46.900**	**100,00**

5. Quy mô dân số:

- Khoảng 924 người (khoản 04 người /hộ).

6. Nội dung quy hoạch:

6.1. Đất ở:

a) Nhà phố liền kề:

- Diện tích đất 23.597 m^2. Gồm 08 lô được phân thành 231 nền, ký hiệu từ (LK.01) đến (LK.08) trên bản vẽ tổng mặt bằng quy hoạch sử dụng đất.

- Các công trình xây dựng dạng hợp khối với công năng, đường nét kiến trúc đơn giản hiện đại, vật liệu màu sắc trang nhã tự nhiên.

- Mật độ xây dựng: 70-100% tùy thuộc diện tích lô nền.

- Tầng cao: Tối đa 5 tầng.

- Hệ số sử dụng đất: Tối đa 5 lần.

BẢNG THỐNG KÊ LÔ NỀN NHÀ PHỐ LIỀN KỀ

Ký hiệu lô	Diện tích (m^2)	Số nền	Mật độ xây dựng (%)	Hế số sử dụng đất

LK.01	3.260	38	85-100	5,0
LK.02	2.075	19	70-95	4,75
LK.03	4.853	45	74-90	4,7
LK.04	3.105	31	75-95	4,75
LK.05	2.892	28	72-100	5
LK.06	2.621	27	73-100	5
LK.07	2.325	21	76-91	4,55
LK.08	2.467	22	66-80	4,0
TỔNG	**23.597**	**231**		

b) Biệt thự:

- Diện tích đất 1.982 m^2 gồm 1 lô kí hiệu (BT) được chia thành 6 nền trên bản vẽ Tổng mặt bằng sử dụng đất. Các công trình xây dựng dạng hợp khối hoặc phân tán phù hợp với công năng và địa hình xây dựng, đường nét kiến trúc đơn giản hiện đại, vật liệu màu sắc trang nhã tự nhiên, kết cấu mái dốc hoặc mái bằng.

- Mật độ xây dựng: 58 - 59% tùy thuộc diện tích lô nền.

- Tầng cao: Tối đa 3 tầng.

- Hệ số sử dụng đất: Tối đa 1,92 lần.

c) Đất thương mại -dịch vụ:

- Diện tích đất dành cho thương mại - dịch vụ là 3.028 m^2 chiếm 6,46% diện tích quy hoạch. Vị trí lô đất được bố trí tại trung tâm khu dân cư. Chỉ tiêu xây dựng được quy định như sau:

- Tầng cao xây dựng tối đa: Tối đa 3 tầng.

- Mật độ xây dựng: Tối đa 40%.

- Hệ số sử dụng đất: Tối đa 1,2 lần.

d) Đất công viên – Cây xanh:

- Diện tích 1.887 m^2, chiếm 4,02% diện tích khu quy hoạch. Khu vực công viên - cây xanh được thiết kế đan xen các khu ở, tạo sự hài hoài giữa thiên nhiên nhiên và công trình kiến trúc, đảm bảo không khí trong lành thoát mát cho toàn khu dân cư.

- Với chức năng sử dụng chính: Cây xanh cảnh quan, vườn hoa, lối đi bộ.

đ) Đất xử lý nước thải:

- Diện tích đất 291 m^2 chiếm 0,62% diện tích quy hoạch. Chỉ tiêu xây dựng được quy định như sau:

- Tầng cao xây dựng tối đa: Tối đa 2 tầng.

- Mật độ xây dựng: Tối đa 100%.
- Hệ số sử dụng đất: Tối đa 2 lần.

6.2. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.2.1. San lấp mặt bằng:

- Tổng diện tích san lấp: 46.900 m^2.
- Cao trình thiết kế đê bao: +3,8m (Hệ CĐQG-HG).
- Cao trình thiết kế san lấp: +3,7m (Hệ CĐQG-HG).
- Cao độ khống chế nền tại các ngã giao nhau của tuyến đường trên cơ sở đảm bảo độ dốc đường và thuận tiện cho giao thông.

6.2.2. Hệ thống giao thông:

- Diện tích giao thông nội bộ, taluy trong phạm vi quy hoạch là 15.646 m^2 chiếm tỷ lệ 33,36% diện tích quy hoạch.

a) Hệ thống giao thông Chợ và Khu dân cư Mỹ An được thiết kế với cấp đường đô thị cấp nội bộ với các tuyến đường sau:

+ Tuyến đường số 1, số 5, số 8: Ký hiệu mặt cắt 1a-1a: Lộ giới: 12m (3-6-3), lòng đường rộng 6m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m.

+ Tuyến đường số 2: Ký hiệu mặt cắt 2-2: Lộ giới: 16m (3-10-3), lòng đường rộng 10m, vỉa hè có một bên là 3m.

+ Tuyến đường số 3, số 6, số 7: Ký hiệu mặt cắt 3-3: Lộ giới: 13m (3-7-3), lòng đường rộng 7m, vỉa hè có một bên là 3m.

+ Tuyến đường số 4: Ký hiệu mặt cắt 3-3; mặt cắt 4-4. Gồm 2 đoạn:

* Đoạn lộ giới 13m (3-7-3), lòng đường rộng 7m, vỉa hè có một bên là 3m.

* Đoạn lộ giới: 12m (2-7-3), lòng đường rộng 6m, vỉa hè mỗi bên rộng 2m và 3m.

b) Chỉ tiêu kỹ thuật:

+ Độ dốc dọc tuyến đường thiết kế: $i = 0 \div 0,15\%$.
+ Độ dốc ngang mặt đường: $i_n = 2 \div 2,5\%$.
+ Độ dốc ngang vỉa hè: $i_{vh} = 1\%$.
+ Bán kính cong bó vỉa tại các giao cắt $R = 6 \div 15m$.
+ Cao trình thiết kế tim đường là: +3,8m (hệ CĐQG – Hòn Dấu).
+ Cao trình thiết kế vỉa hè cao hơn 0,1m so với cao độ tim đường.
+ Độ dốc dọc lớn nhất: Imax = 0,1%.
+ Độ dốc dọc nhỏ nhất: Imin = 0,0%.
+ Cao độ đỉnh bó vỉa cao hơn tim đường trung bình 0,1m.

c) Kết cấu mặt đường:

Được tính toán với tải trọng trục xe tính toán: Trục đơn 10 tấn; Áp lực bánh xe tính toán: 0,6Mpa; Đường kính vệt bánh xe tương đương 33cm; Mô đun đàn hồi Eyc≥120 Mpa.

- Kết cấu áo đường các lớp từ trên xuống như sau:

+ Tải trọng tính toán: Ech ≥ Eye x $K^{dv}cd$ = 120 x 1,06 = 127Mpa.

+ Lớp bê tông nhựa nóng hạt mịn, dày 5 cm.

+ Tưới nhựa thấm bám dính tiêu chuẩn 1Kg/m^2.

+ Cấp phối đá dăm loại 1 D max = 25mm, D25cm.

+ Nền cát lu lèn đạt độ chặt K ≥ 0,98.

d) Kết cấu vỉa hè, bó vỉa:

- Tùy theo yêu cầu thẩm mỹ từng khu vực có thể lát các loại gạch khác nhau, gồm các lớp từ trên xuống như sau:

+ Gạch bê tông lát vỉa hè 400 x 400 x 50 mác 75.

+ Bê tông đá 2x4 Mác 150 dày 10cm.

+ Nền cát lu lèn đạt độ chặt k ≥ 0,95.

- Vỉa hè tại vị trí từng hộ dân khu ở, người dân tự thực hiện. *(Khi mua nền để xây dựng nhà ở, các hộ dân tự đầu tư hoàn thiện phần vỉa hè trước nhà mình).*

- Vỉa hè khu vực công viên, công cộng: Vỉa hè lát gạch block tự chèn loại BTXM M200 dày 6cm hoặc gạch Terrazzo dày 3cm phục vụ người đi bộ và các hạ tầng kỹ thuật khác.

- Bó vỉa: BT đá 1x2, M200 đúc tại chỗ.

e) Tổ chức giao thông:

- Để đảm bảo vận hành giao thông trong khu cần kẻ vạch sơn phân luồng, đặt biển báo, biển hạn chế tốc độ tại các nút giao thông theo đúng tiêu chuẩn.

- Vị trí, quy cách, màu sơn, cột của biển báo được thiết kế theo QCVN 41:2016/BGTVT.

BẢNG THỐNG KÊ HỆ THỐNG GIAO THÔNG

Stt	Hạng mục	Chiều dài (m)	Lộ giới (m)			
			Vỉa hè	Lòng đường	Vỉa hè	Tổng cộng
1	Đường số 1	202	3,0	6,0	3,0	12
2	Đường số 2	66	3,0	10,0	3,0	16,0
3	Đường số 3	68	3,0	7,0	3,0	13,0
4	Đường số 4	68	3,0	7,0	3,0	13,0
		52	2,0	7,0	3,0	12,0

5	Đường số 5	121	3,0	6,0	3,0	12,0
6	Đường số 6	174	3,0	7,0	3,0	13,0
7	Đường số 7	102	3,0	7,0	3,0	13,0
8	Đường số 8	204	3,0	6,0	3,0	12,0

6.2.3. Hệ thống cấp nước:

- Sử dụng nguồn nước từ xí nghiệp điện nước Chợ Mới có công suất 500m^3/ngày thông qua đường ống dẫn nước cặp tỉnh lộ 944 phục vụ khu dân cư.

- Mạng lưới ống cấp nước trong khu quy hoạch sử dụng ống nhựa PVC có đường kính fi60, fi90, fi114.

- Hệ thống đường ống cấp nước được bố trí bên dưới vỉa hè các tuyến giao thông. Chiều sâu chôn ống tối thiểu đến đỉnh ống là 0,6m, những đoạn băng đường thì chiều sâu tối thiểu là 1m và phải có các biện pháp bảo vệ.

- Mạng cấp nước được xây dựng vừa cấp nước sinh hoạt vừa cấp nước chữa cháy, các trụ cứu hỏa được lắp đặt ngay trên các đường ống cấp nước truyền tải và tuyến phân phối nước sinh hoạt. Khoảng cách tối đa giữa hai trụ cứu hỏa ≥ 150m/trụ. Trụ cứu hỏa kiểu nổi áp dụng theo Tiêu chuẩn 6379 -1998 (Thiết bị chữa cháy – Trụ chữa cháy – Yêu cầu kỹ thuật); TCVN 3890 : 2009 – Phương tiện PCCC cho nhà và công trình.

6.2.4. Hệ thống thoát nước:

a) Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

- Nước mưa trong dự án được thu gom bởi các hố ga dọc theo các tuyến đường và được dẫn qua hố ga thoát nước mưa khu vực thông qua hệ thống BTLT fi400, fi600, fi800.

- Hố Ga: Các ga thu, ga thăm bố trí khoảng cách trung bình từ 30m/hố, theo trắc dọc tuyến đường với kích thước hố ga kích thước 1240 x 2040 x 2000 - 1330, hố ga 1240 x 1440 x 2000.

+ Hố ga cấu tạo kiểu hàm ếch theo tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành. Nắp hố ga sử dụng hai loại lưới thép thu nước dưới đường, nắp gang dưới đường và nắp đan bê tông cốt thép. Các nắp đan hố ga bằng BTCT trên vỉa hè sẽ được lát gạch phù hợp với kiến trúc, cảnh quan của khu quy hoạch.

+ Đáy hố ga sâu hơn đáy cống 40cm để lắng bùn cát trong cống chảy về và sẽ được nạo vét định kỳ. Móng hố ga bằng đệm đá dăm dày 10cm. Nền đất dưới đáy hố ga được đầm chặt và gia cố bằng cọc bê tông. Riêng tại các vị trí giao nhau giữa cống nước thải và cống thoát nước mưa được cấu tạo bởi các chi tiết đặc biệt.

b) Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

b1) Quy hoạch thoát nước thải:

- Mạng lưới thu gom nước thải thiết kế riêng với thoát nước mưa.

- Mạng lưới ống thu gom được bố trí đảm bảo thu gom nước thải từ các khu chức năng dẫn về khu xử lý 1 cách nhanh chóng và triệt để.

- Tính toán lưu lượng nước thải:

- Tiêu chuẩn thải nước sinh hoạt ≥ 80% tiêu chuẩn cấp nước : $Q_{thải} \geq 80\% Q_{cấp}$.

- Dự kiến lưu lượng nước thải trung bình: 125 m^3/ ngày.đêm.

* *Giải pháp thiết kế:* Từ các khu chức năng và nhà dân nước thải được xử lý qua các bể tự hoại được xây dựng đúng quy cách, được thu gom về bể xử lý nước thải được bố trí trong khu dân cư thông qua hệ thống đường ống nhựa PVC fi250, fi350 và cống BTLT fi300, fi 400 ngang đường, nước thải sau khi xử lý được thoát về hố ga hiện trạng khu vực.

* *Hố Ga:* Trên tuyến đường ống có xây dựng các hố ga thu nước thải bằng bê tông cốt thép. Khoảng cách từ 30 /hố. Hố ga được thiết kế theo thiết kế định hình chuyên ngành. Kích thước hố ga phụ thuộc vào đường kính cống. Đáy hố ga sâu hơn đáy cống 40cm để lắng bùn cát trong cống chảy về và sẽ được nạo vét định kỳ.

b2) Xử lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: ≥ 0,9 kg/ người/ngày, tỷ lệ thu gom 90%.

- Bình quân mỗi ngày khu đô thị sẽ phát sinh gần 1 tấn/ngày.

- Phương án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

+ Rác thải được thu gom hàng ngày và đưa về nhà máy xử lý rác của thị trấn Mỹ Luông.

+ Dự kiến bố trí các thùng thu gom chất thải rắn bằng nhựa có nắp đậy tại vị trí với cự ly nhỏ hơn 100m, để tiện cho việc bỏ rác của người dân và khách tham quan, rác khách bộ hành. Các điểm thu gom rác thải được phân bố hợp lý đảm bảo việc thu gom được thuận tiện.

- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước khi khởi công xây dựng công trình.

b3) Nghĩa trang: Sử dụng nghĩa trang nhân dân hiện có tại khu vực huyện Chợ Mới.

6.2.5. Hệ thống điện:

a) Giải pháp thiết kế:

- Nguồn cấp: Đấu nối vào tuyến trung thế 477CM - 475TH hiện trạng chạy dọc đường tỉnh lộ 944.

- Các trạm biến áp: Được đầu tư theo từng giai đoạn phát triển của dân cư tránh non tải máy biến áp. Các trạm máy biến áp cấp cho khu vực công trình thương mại - dịch vụ và công trình công cộng được đầu tư khi triển khai từng hạng mục công trình.

- Lưới điện:

+ Hệ thống cáp trung thế 3 pha 22KV lắp mới đi nổi trên trụ BTLT 14m.

+ Hệ thống phân phối hạ áp 3 pha 4 dây lắp mới đi nổi trên trụ BTLT 8,5m.

b) Quy hoạch hệ thống điện chiếu sáng:

Chiếu sáng đường phố phải được thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn: Đường cấp nội bộ: 0,6Cd/m^2.

- Hệ thống chiếu sáng phải tuân thủ theo quy chuẩn Quốc gia về quy hoạch xây dựng QCXDVN 01:2019/BXD.

- Hệ thống chiếu sáng phải đảm bảo mỹ quan, phù hợp với quy hoạch chung của địa phương. Tiêu chuẩn thiết kế đảm bảo về độ rọi, phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành về chiếu sáng đường phố và khu đô thị.

- Mạng lưới điện chiếu sáng được phân thành các khu vực lấy điện từ các tủ điều khiển chiếu sáng được bố trí phù hợp và đảm bảo an toàn.

- Hệ thống chiếu sáng sử dụng đèn cao áp bóng LED 100W/220V ánh sáng vàng có cần đèn dài 1,5m bố trí chung và đi nổi với các trụ điện trên các tuyến đường trong khu quy hoạch.

6.2.6. Thông tin liên lạc:

- Giải pháp thiết kế quy hoạch: Hệ thống thông tin liên lạc được đấu nối từ hệ thống thông tin liên lạc của của huyện Chợ Mới và được bố trí trên các trụ điện hạ thế. Hệ thống sẽ được giao cho nhà viễn thông địa phương thực hiện đầu tư.

- Dự kiến nhu cầu: Dự kiến chỉ tiêu cung cấp đạt 100% hộ dân (1 thuê bao/1 hộ). Thương mại - dịch vụ và các công trình công cộng thì tối thiểu 2 thuê bao/ công trình.

7. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt: UBND huyện Chợ Mới.

- Cơ quan thẩm định: Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Chợ Mới.

- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Địa ốc Long Giang.

- Đơn vị tư vấn lập tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500: Công ty TNHH tư vấn Kiến trúc và trang trí nội thất ID.

Điều 2. Giao cho Công ty cổ phần Địa ốc Long Giang phối hợp với Phòng Kinh tế - Hạ tầng, UBND xã Mỹ An và các ngành liên quan căn cứ vào tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án Chợ và Khu dân cư Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tiến hành thực hiện các bước tiếp theo.

- Bàn giao 01 bộ hồ sơ cho Phòng Kinh tế - Hạ tầng và UBND xã Mỹ An để cùng tham gia quản lý Nhà nước về quy hoạch xây dựng, quản lý sử dụng đất đai theo qui định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ban hành kèm theo quyết định này là bản Quy định quản lý theo tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án Chợ và Khu dân cư Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện, Trưởng phòng Tài nguyên -Môi trường, Chủ tịch UBND xã Mỹ An, Giám đốc Công ty cổ phần Địa ốc Long Giang và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Viễn

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- LĐ UBND;
- LĐVP;
- P. TN-MT;
- UBND xã Mỹ An;
- Lưu: VT, KT-HT.